

Số: 201/BC-UBND

Bến Tre, ngày 07 tháng 6 năm 2018

BÁO CÁO

Ước thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2018 và giải pháp thực hiện dự toán ngân sách tỉnh 6 tháng cuối năm 2018

Thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các ngành, các cấp tập trung thực hiện các giải pháp nhằm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra. Trong lĩnh vực tài chính - ngân sách 6 tháng đầu năm 2018, ước đạt được những kết quả như sau:

A. TÌNH HÌNH THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

I. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

Ước thực hiện thu NSNN trên địa bàn 6 tháng đầu năm 2018 là 1.840.133 triệu đồng, đạt 51,12% so với dự toán trung ương và đạt 49,73% dự toán địa phương giao, bằng 103,09% so với cùng kỳ năm 2017. Có 05/16 khoản thu, sắc thuế thu đạt khá so với dự toán (*Kèm biểu tổng hợp thu, chi*).

- Các khoản thu ước đạt so với tiến độ dự toán địa phương giao, gồm:

+ Lệ phí trước bạ 82.739 triệu đồng, đạt 49,78% so với dự toán, bằng 119,98% so với cùng kỳ.

+ Thu phí, lệ phí 49.541 triệu đồng, đạt 58,28% so với dự toán, bằng 106,53% so cùng kỳ. Nguyên nhân đạt cao là do một số lệ phí được phản ánh vào thu ngân sách khi thực hiện theo Luật phí, lệ phí thay cho trước đây được để lại đơn vị.

+ Thu tại xã 14.492 triệu đồng, đạt 50,65% so với dự toán, bằng 108,95% so với cùng kỳ.

+ Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế 10.000 triệu đồng, đạt 95,24% so với dự toán, bằng 100,19% so với cùng kỳ. Nguyên nhân đạt cao là do thu cổ tức và lợi nhuận được chia cho phần vốn nhà nước tại các Công ty Cổ phần cấp thoát nước Bến Tre và Công ty Cổ phần công trình đô thị Bến Tre.

+ Thu từ xổ số kiến thiết 755.259 triệu đồng, đạt 62,94% so với dự toán, bằng 105,18% so với cùng kỳ.

- Các khoản thu không đạt so tiến độ dự toán:

+ Thu từ doanh nghiệp nhà nước trung ương 83.859 triệu đồng, đạt 40,91% dự toán, bằng 116,78% so với cùng kỳ. Tuy số thu khu vực này có tăng trưởng hơn so với cùng kỳ nhưng vẫn đạt thấp so với dự toán được giao, một trong những nguyên nhân được đánh giá là do khu vực này được cổ phần hóa chỉ còn 02 đơn vị chính là Công ty TNHH MTV Thuốc lá Bến Tre và Công ty TNHH MTV Xăng dầu Bến Tre, những năm gần đây Công ty Thuốc Lá không còn sản xuất gia công thuốc lá nhiều như trước nên số thu về thuế TTĐB bị sụt giảm.

+ Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương 45.492 triệu đồng, đạt 37,84% so với dự toán, bằng 120,37% so cùng kỳ. Ước số thu 6 tháng đầu năm cao hơn so với cùng kỳ năm trước là do các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh có tăng trưởng. Tuy nhiên số thu ở khu vực này đạt thấp so với dự toán vì nguồn thu chủ yếu từ

các đơn vị sự nghiệp có thu, hoạt động không ổn định, hiệu quả kinh doanh và số nộp ngân sách không cao. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh đa phần được cổ phần hóa và chuyển sang nộp thuế ngoài quốc doanh.

+ Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 45.217 triệu đồng, đạt 38,37% dự toán, bằng 116,38% so cùng kỳ. Do tình hình hoạt động của các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài đã từng bước đi vào ổn định và có một số doanh nghiệp đã hết thời gian hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế nên khả năng thu thuế TNDN ở khu vực này đạt cao so với cùng kỳ.

+ Thuế công thương nghiệp - ngoài quốc doanh 299.421 triệu đồng, đạt 39,86% so với dự toán, bằng 117,77% so cùng kỳ. Trong 6 tháng đầu năm tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp tương đối ổn định và thuận lợi hơn so với cùng kỳ. Tuy nhiên do dự toán trung ương giao khá cao nên khả năng thu 6 tháng đầu năm không đạt so với tiến độ dự toán.

+ Thuế thu nhập cá nhân 174.708 triệu đồng, đạt 47,23% so với dự toán, bằng 112,85% so cùng kỳ.

+ Thuế sử dụng đất nông nghiệp 266 triệu đồng, đạt 26,60% so với dự toán, bằng 94,66% so cùng kỳ.

+ Thu tiền sử dụng đất 47.596 triệu đồng, đạt 43,27% so với dự toán, bằng 38,24% so với cùng kỳ.

+ Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước 38.038 triệu đồng, đạt 36,23% so với dự toán, bằng 73,41% so cùng kỳ.

+ Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp 7.330 triệu đồng, đạt 8,68% so với dự toán, bằng 53,36% so cùng kỳ.

+ Thuế bảo vệ môi trường 118.007 triệu đồng, đạt 44,53% so với dự toán, bằng 96,52% so cùng kỳ.

+ Thu khác ngân sách 73.460 triệu đồng, đạt 47,76% so với dự toán, bằng 113,03% so với cùng kỳ.

II. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên

Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên đảm bảo theo tiến độ dự toán được giao. Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2018 là 2.795.842 triệu đồng, đạt 50,92% dự toán được giao, bằng 126,54% so với cùng kỳ.

B. TÌNH HÌNH CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Trong điều hành, quản lý chi ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan các đơn vị thực hiện chi ngân sách chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả. Trong 6 tháng đầu năm 2018, ngân sách đã ứng kịp thời các nhiệm vụ chi theo tiến độ dự toán được giao, ưu tiên thực hiện chính sách an sinh xã hội, an ninh - quốc phòng, giáo dục - đào tạo, thanh toán khối lượng đầu tư XDCB hoàn thành và thực hiện các nhiệm vụ phát sinh đột xuất, cần thiết, cấp bách khác.

Ước tổng chi ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2018 là 3.985.814 triệu đồng, đạt 44,59% so với dự toán, bằng 135,92% so với cùng kỳ. Cụ thể tình hình thực hiện một số nội dung chi như sau:

I. Chi đầu tư phát triển

Ước thực hiện thanh toán khối lượng đầu tư XDCB 6 tháng đầu năm 2018 là 1.217.630 triệu đồng, đạt 38,29% so với dự toán, bằng 181,31% so với cùng kỳ.

Chi đầu tư xây dựng cơ bản ước đạt thấp so với tiến độ dự toán do một nguyên nhân chủ yếu như sau:

- Trong 06 tháng đầu năm các chủ đầu tư tập trung giải ngân kế hoạch vốn năm 2017 và giải ngân kế hoạch vốn năm 2017 được phép kéo dài sang năm 2018.

- Giai đoạn đầu năm là giai đoạn các chủ đầu tư hoàn thiện các thủ tục đầu tư ban đầu của dự án (lập dự án, lập phương án giải phóng mặt bằng, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán, lựa chọn nhà thầu,...) nên chưa có khối lượng nhiều để thanh toán vốn theo kế hoạch.

- Quy định về thủ tục đầu tư rất phức tạp, chưa thống nhất giữa các luật như: Luật Đầu tư công, Luật ngân sách, Luật Xây dựng.... làm kéo dài thời gian thực hiện dự án. Vấn đề này đã được các Bộ, ngành Trung ương kiến nghị trình Chính phủ xem xét sửa đổi.

- Nguồn vốn Trái phiếu chính phủ năm 2018 chiếm khoảng 24% so với kế hoạch vốn nhưng hiện nay chỉ giải ngân được 1% là do tiến độ giải phóng mặt bằng của ĐH 173 chậm. Do đó làm ảnh hưởng tới tiến độ giải ngân chung của kế hoạch vốn năm 2018.

II. Chi thường xuyên

Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2018 là 2.767.184 triệu đồng, đạt 49,57% so với dự toán, bằng 122,45% so với cùng kỳ. Chi tiết một số nội dung chủ yếu:

- *Chi sự nghiệp kinh tế*: 174.788 triệu đồng, đạt 38,88% so với dự toán, bằng 143,53% so với cùng kỳ. Nguyên nhân đạt thấp là do một số nội dung chi như: dự án chống sạt lở, dự án nâng cấp công thông tin điện tử công báo, dự án bò sữa,...đang trong giai đoạn hoàn chỉnh các hồ sơ, thủ tục để thanh toán.

- *Chi sự nghiệp môi trường*: 23.514 triệu đồng, đạt 35,20% so với dự toán, bằng 183,79% so với cùng kỳ. Nguyên nhân đạt thấp là do nhiệm vụ chi xử lý môi trường hiện trong giai đoạn triển khai, hoàn chỉnh các hồ sơ thủ tục thi công nên chưa có khối lượng để thanh toán.

- *Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo*: 1.056.044 triệu đồng, đạt 43,85% so với dự toán, bằng 113,11% so với cùng kỳ. Ước thực hiện chưa đạt so với dự toán là do dự toán chi mua sắm, sửa chữa trang thiết bị trường học đang triển khai thực hiện trong thời gian học sinh nghỉ hè.

- *Chi sự nghiệp y tế*: 468.281 triệu đồng đạt 77,05% so với dự toán, bằng 156,40% so với cùng kỳ.

- *Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ*: 10.178 triệu đồng, đạt 51,83% so với dự toán, bằng 122,70% so với cùng kỳ.

- *Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội*: 163.418 triệu đồng, đạt 57,71% so với dự toán. bằng 100,51% so với cùng kỳ. Nguyên nhân đạt cao do thực hiện các chính sách an sinh xã hội như: bổ sung thực hiện chính sách cho đối tượng bảo trợ xã hội, chi trợ cấp tiền tết cho các đối tượng chính sách,...

- *Chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể*: 522.059 triệu đồng, đạt 50,86% so với dự toán, bằng 105,26% so với cùng kỳ.

- *Chi an ninh - quốc phòng*: 72.940 triệu đồng, đạt 49,29% so với dự toán. bằng 117,33% so với cùng kỳ.

Đánh giá chung: Qua phân tích ước thực hiện dự toán thu, chi 6 tháng đầu năm cho thấy: Thu ngân sách đạt tương đối so với dự toán, đáp ứng kịp thời các nhiệm vụ chi, trong đó đảm bảo nguồn thực hiện chính sách an sinh xã hội, an ninh - quốc phòng, giáo dục - đào tạo, thanh toán khối lượng đầu tư XD CB hoàn thành và thực hiện các nhiệm vụ phát sinh đột xuất, cần thiết, cấp bách khác. Trong 6 tháng, tiến độ giải ngân chi đầu tư phát triển còn rất chậm (chỉ đạt 38,29%) nên kết quả ước thực hiện dự toán chi NSDP đạt thấp so với dự toán (đạt 44,59%). Tuy nhiên, kết quả này lại tăng cao so với cùng kỳ chủ yếu là do tăng chi đầu tư từ nguồn trái phiếu Chính phủ, vì năm 2018 nguồn vốn TPCP được Trung ương bổ sung có mục tiêu cho Tỉnh thay cho trước đây được chi trực tiếp từ NSTW; ngoài ra nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu để thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư XD CB tăng 16,5% so với năm 2017.

C. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2018

Tập trung nguồn thu cho ngân sách là nhiệm vụ thường xuyên và vô cùng quan trọng, đòi hỏi các ngành, các cấp phải triển khai thực hiện đầy đủ, đồng bộ, hiệu quả các chức năng, quy trình quản lý, giải pháp công tác của ngành nhằm phấn đấu hoàn thành đạt và vượt dự toán thu ngân sách năm 2018, đảm bảo nguồn lực đáp ứng nhu cầu chi theo dự toán được giao, các nhiệm vụ cần thiết quan trọng của địa phương, góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh nhà. Để đạt được các mục tiêu nhiệm vụ đã đề ra trong năm 2018; UBND tỉnh yêu cầu các Sở, Ban, Ngành và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố tập trung thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp theo chỉ đạo của trung ương và của tỉnh; đồng thời tăng cường chỉ đạo điều hành thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu liên quan đến tài chính - ngân sách nhà nước, chủ yếu sau đây:

I. Đối với công tác quản lý thu

1. Ngành thuế cần đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế. Tập trung công tác tuyên truyền, hướng dẫn và hỗ trợ doanh nghiệp mới thành lập nhất là doanh nghiệp mới thành lập từ hộ kinh doanh chuyển lên doanh nghiệp. Tổ chức Hội nghị tuyên dương người nộp thuế tốt.

2. Thực hiện tốt công tác quản lý đăng ký, kê khai của người nộp thuế. Kiểm tra, rà soát các doanh nghiệp, hộ kinh doanh tạm nghỉ, giải thể, đóng mã số thuế; rà soát các tổ chức, cá nhân đăng ký kinh doanh mới để đưa vào quản lý thuế; Đẩy mạnh kiểm tra, giám sát kê khai thuế của người nộp thuế; duy trì đôn đốc, nhắc nhở và phạt vi phạm hành chính do chậm nộp hồ sơ khai thuế theo qui định.

Tăng cường công tác quản lý hoàn thuế GTGT đảm bảo giải quyết đúng thời gian, đúng đối tượng, chính sách thuế quy định. Thực hiện giám sát chặt chẽ việc hoàn thuế GTGT, không để xảy ra trường hợp doanh nghiệp lợi dụng để chiếm đoạt tiền hoàn thuế của nhà nước.

3. Đối với công tác miễn, giảm, hoàn thuế: thực hiện xử lý miễn, giảm, hoàn thuế kịp thời, đúng quy định của pháp luật về thuế, tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế. Bên cạnh đó, tăng cường công tác hậu kiểm để đảm bảo việc hoàn thuế, xử lý miễn, giảm, gia hạn thuế chặt chẽ; thực hiện xử lý nghiêm đối với các hành vi gian lận, lợi dụng chính sách miễn, giảm, hoàn thuế.

4. Lấy mục tiêu nuôi dưỡng nguồn thu thông qua việc tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi, minh bạch và bình đẳng được đặt lên hàng đầu để tạo “sức khỏe” cho doanh nghiệp hoạt động hiệu quả; thực hiện phát triển doanh nghiệp mạnh cả về số lượng và chất lượng. Tăng cường đối thoại với doanh nghiệp nhằm tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho doanh nghiệp; thực hiện hỗ trợ pháp lý, đồng thời tuyên truyền vận động, các hộ kinh doanh đủ điều kiện năng lực chuyển đổi mô hình hoạt động lên doanh nghiệp để hưởng các chính sách ưu đãi về thuế thực hiện có hiệu quả Chương trình “Đồng khởi khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp”.

5. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra nhằm chống thất thu ngân sách, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi trốn thuế, gian lận thương mại, buôn lậu, chuyển giá. Tập trung mạnh đối với chống thất thu trong đối tượng hộ kinh doanh khoán thuế, nhất là thực hiện chuyển mạnh các hộ kinh doanh quy mô lớn đang quản lý theo mô hình khoán sang nộp thuế theo kê khai, phấn đấu tỷ lệ nợ đọng thuế đến 31/12 ở mức **dưới 4% tổng thu ngân sách**.

6. Thực hiện các giải pháp đồng bộ để thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh trên địa bàn, tạo nguồn thu lớn, ổn định và bền vững cho ngân sách địa phương, trong đó tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ cho các chủ đầu tư triển khai thực hiện các dự án sản xuất – kinh doanh dịch vụ, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ các chủ đầu tư về các thủ tục đất đai, bồi thường giải phóng mặt bằng, đảm bảo an ninh trật tự,... để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, sớm đưa dự án vào hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo nguồn thu ổn định cho ngân sách; đồng thời tập trung các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tăng nguồn thu cho ngân sách.

7. Tập trung tăng cường thu nghĩa vụ tài chính trên lĩnh vực đất đai thông qua công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất và thu nợ theo quy định; triển khai lập, rà soát quy hoạch các khu dân cư trên địa bàn huyện và xây dựng các giải pháp đồng bộ để xây dựng, hoàn chỉnh các khu dân cư trên địa bàn, khai thác tốt quỹ đất các khu dân cư để đưa ra bán đấu giá cho nhân dân có nhu cầu về đất ở, tăng nguồn thu cho ngân sách.

8. Tập trung quản lý tốt khai thác tài nguyên khoáng sản trên địa bàn, đảm bảo việc khai thác phải đúng quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt và cấp phép khai thác, tổ chức thu đúng, thu đủ vào ngân sách từ hoạt động khai thác tài nguyên khoáng sản. Kiên quyết xử lý các trường hợp khai thác tài nguyên khoáng sản trái phép, truy thu và xử phạt nghiêm các trường hợp khai thác tài nguyên khoáng sản trái phép hoặc không thực hiện nộp tiền khai thác tài nguyên khoáng sản vào ngân sách theo đúng quy định của pháp luật.

II. Đối với công tác quản lý chi

1. Tập trung đẩy nhanh tiến độ chi đầu tư phát triển; đặc biệt là các nhiệm vụ chi thực hiện chương trình mục tiêu, mục tiêu quốc gia từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung. Trường hợp cuối niên độ ngân sách người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao kế hoạch vốn đầu tư công có công trình, dự án sử dụng vốn sai mục đích, tiến độ thi công chậm, giải ngân không hết kế hoạch vốn mà không có lý do khách quan, buộc phải thu hồi hoàn trả về ngân sách trung ương là phải chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh.

Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện kiểm soát chặt chẽ việc phân bổ, quản lý và sử dụng vốn, thường xuyên rà soát cắt giảm các công trình, dự án đã phân bổ vốn nhưng chậm triển khai để kịp thời điều chỉnh vốn đầu tư và cân đối nguồn lực thực hiện các chương trình, dự án. Đồng thời chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo thực hiện.

2. Giao Sở Tài chính chủ trì phối hợp với cơ quan có liên quan tiếp tục rà soát các đơn vị sự nghiệp có thu đủ điều kiện để chuyển đổi mô hình hoạt động từ đơn vị sự nghiệp công lập sang Công ty Cổ phần theo quy định tại Quyết định 31/2017/QĐ-TTg ngày 17/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ; khẩn trương thực hiện hoàn chỉnh các thủ tục chuyển đổi mô hình hoạt động từ đơn vị sự nghiệp công lập thành Công ty Cổ phần đối với Trung tâm Đăng kiểm, đào tạo, sát hạch và tư vấn công trình giao thông và Ban Quản lý Khai thác cung cấp nước sinh hoạt huyện Châu Thành.

3. Giao Sở Tài chính chủ trì, đẩy mạnh việc triển khai thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 và Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về việc quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập gắn với lộ trình tính đúng, tính đủ giá dịch vụ sự nghiệp công, tăng quyền tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập. Ngân sách nhà nước chuyển từ hỗ trợ trực tiếp cho cơ sở khám, chữa bệnh sang hỗ trợ người dân mua thẻ bảo hiểm y tế gắn với lộ trình tính đúng, tính đủ giá dịch vụ y tế.

4. Tiếp tục thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên, chi bộ máy quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công; cắt giảm tối đa các khoản chi tổ chức lễ hội, khánh tiết, hội nghị, hội thảo, tiết giảm chi phí công tác trong nước và ngoài nước. Không bổ sung các đề án, chương trình, ban hành chính sách mới làm tăng chi ngân sách khi chưa có nguồn đảm bảo; chủ động sắp xếp chi thường xuyên, ưu tiên các nhiệm vụ quan trọng, bảo đảm nguồn lực thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

Trên đây là báo cáo ước thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2018 và giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2018, Ủy ban nhân dân tỉnh xin báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- HĐND tỉnh (báo cáo) ;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Vp UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Phòng TCĐT;
- Lưu: VT.



Trương Duy Hải



THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN NĂM 2018
Tỉnh Bến Tre

Đơn vị: Triệu đồng

A	Nội dung	Dự toán 2018		Ước thực hiện 06 tháng đầu năm 2018	So sánh (%)		
		Trung ương	Địa phương		Trung ương	Địa phương	Cùng kỳ
1	1	2	3	4	5=4/2	5=4/3	6
A	TỔNG THU NSNN (I+II)	9.090.877	9.190.977	4.635.975	51,00	50,44	116,06
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn	3.599.900	3.700.000	1.840.133	51,12	49,73	103,09
	Tổng thu NSNN trên địa bàn sau khi trừ thu từ sử dụng đất và thu XSKT	2.319.900	2.390.000	1.037.278	44,71	43,40	110,07
1	Thu nội địa	3.599.900	3.700.000	1.840.133	51,12	49,73	103,09
	Trong đó:						
1.1	Thu từ DN Nhà nước TW	205.000	205.000	83.859	40,91	40,91	116,78
1.2	Thu từ DN nhà nước địa phương	120.000	120.230	45.492	37,91	37,84	120,37
1.3	Thu từ doanh nghiệp có vốn ĐTNN	115.000	117.830	45.217	39,32	38,37	116,38
1.4	Thu thuế CTN -DV ngoài nhà nước	717.900	751.100	299.421	41,71	39,86	117,77
1.5	Thu thuế thu nhập cá nhân	360.000	369.900	174.708	48,53	47,23	112,85
1.6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	1.000	1.000	266	26,60	26,60	94,66
1.7	Tiền sử dụng đất	80.000	110.000	47.596	59,50	43,27	38,24
1.8	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	6.500	7.330	636	9,78	8,68	53,36
1.9	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	100.000	105.000	38.038	38,04	36,23	73,41
1.10	Thu tiền bán nhà TSHNN			332			17,03
1.11	Thuế bảo vệ môi trường	262.000	265.000	118.007	45,04	44,53	96,52
1.12	Lệ phí trước bạ	160.000	166.200	82.739	51,71	49,78	119,98
1.13	Thu phí, lệ phí	85.000	88.500	49.541	58,28	55,98	106,53
1.14	Thu khác ngân sách	149.000	153.800	73.460	49,30	47,76	113,03
1.15	Thu tại xã	28.000	28.610	14.492	51,76	50,65	108,95
1.16	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản			70			1,92
1.17	Thu cổ tức, lợi nhuận được chia	10.500	10.500	10.000	95,24	95,24	100,19
1.18	Thu xổ số kiến thiết	1.200.000	1.200.000	755.259	62,94	62,94	105,18
2	Thu từ dầu thô	-	-	-			
3	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	-	-	-			
II	Thu bổ sung từ ngân sách TW	5.490.977	5.490.977	2.795.842	50,92	50,92	126,54
1	Bổ sung cân đối	3.605.852	3.605.852	1.802.926	50,00	50,00	100,00
2	Bổ sung có mục tiêu	1.885.125	1.885.125	992.916	52,67	52,67	244,21
B	CHỈ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	8.840.377	8.938.477	3.985.814	45,09	44,59	135,92
I	Tổng chi đầu tư phát triển	3.150.361	3.180.361	1.217.630	38,65	38,29	181,31
	Trong đó:						
1	Chi thực hiện các CTMTQG	161.400	161.400	20.000	12,39	12,39	
	Chi thực hiện một số chương trình mục tiêu nhiệm vụ khác	1.304.081	1.304.081	269.652	20,68	20,68	
2	Chi đầu tư XDCB nguồn NSDP	1.684.880	1.714.880	927.978	55,08	54,11	
1.1	Chi đầu tư XDCB tập trung	399.680	399.680	193.901	48,51	48,51	
1.2	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	80.000	110.000	21.000	26,25	19,09	
1.3	Chi đầu tư từ nguồn thu XSKT	1.200.000	1.200.000	713.077	59,42	59,42	
1.4	Chi đầu tư từ bộ chỉ ngân sách	5.200	5.200	-			
II	Tổng chi thường xuyên	5.548.866	5.582.916	2.767.184	49,87	49,57	122,45
	Trong đó:						
1	Chi thực hiện các CTMTQG	69.046	69.046	35.123	50,87	50,87	101,71
	Chi thực hiện một số chương trình mục tiêu nhiệm vụ khác	333.283	333.283	167.192	50,17	50,17	434,84
2	Chi thường xuyên trong cân đối	5.146.537	5.180.587	2.564.869	49,84	49,51	117,28
2.1	Sự nghiệp kinh tế		449.580	174.788		38,88	143,53
2.2	Chi sự nghiệp môi trường		66.801	23.514		35,20	183,79
2.3	Chi giáo dục đào tạo và dạy nghề	2.408.215	2.408.215	1.056.044	43,85	43,85	113,11
2.4	Chi sự nghiệp y tế		607.776	468.281		77,05	156,40
2.5	Chi sự nghiệp khoa học - công nghệ	19.639	19.639	10.178	51,83	51,83	122,70
2.6	Chi sự nghiệp văn hoá - thông tin		42.810	21.220		49,57	119,93
2.7	Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình		8.107	4.209		51,92	98,21
2.8	Chi sự nghiệp thể dục - thể thao		18.945	9.391		49,57	124,72
2.9	Chi đảm bảo xã hội		283.158	163.418		57,71	100,51
2.10	Chi quản lý hành chính		1.026.428	522.059		50,86	105,26
2.11	Chi an ninh - quốc phòng		147.972	72.940		49,29	117,33
2.12	Chi khác ngân sách		101.156	38.827		38,38	63,88
III	Dự phòng	139.350	139.350	1.000	100,00	100,00	100,00
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	1.000	100,00	100,00	100,00
V	Chi trả nợ lãi các khoản do CQDP phương vay	800	800	800	100,00	100,00	100,00
VI	Phân dành để tạo nguồn CCTL	-	34.050	-			

BÁO CÁO THẨM TRA

Ước thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2018 và biện pháp thực hiện dự toán ngân sách tỉnh 6 tháng cuối năm 2018

Qua xem xét Báo cáo số 201/BC-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về ước thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2018 và biện pháp thực hiện dự toán ngân sách tỉnh 6 tháng cuối năm 2018.

Ban Kinh tế-Ngân sách đã tiến hành thảo luận và thống nhất ý kiến thẩm tra như sau:

1. Tình hình thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm:

- Ước thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 6 tháng đầu năm 2018 đạt 51,12% so với dự toán Trung ương và đạt 49,73% dự toán địa phương giao, thu bổ sung ngân sách cấp trên đạt 51% dự toán. Có 05/16 khoản thu, sắc thuế thu đạt so với dự toán.

- Ước thực hiện chi ngân sách nhà nước trên địa bàn 6 tháng đầu năm 2018 đạt 44,59% so với dự toán. Trong đó: chi đầu tư phát triển đạt 38,29% so dự toán; chi thường xuyên đạt 49,57% so với dự toán.

Nhìn chung, tình hình thu chi trong 6 tháng đầu năm 2018 đạt tỷ lệ không cao, nhưng không có biến động đáng kể về thị trường và các yếu tố khách quan. 6 tháng đầu năm chi cho sự nghiệp khoa học và công nghệ (51,83%) và chi cho sự nghiệp đảm bảo xã hội (57,71%) đạt khá, riêng chi cho sự nghiệp kinh tế (38,88%) và chi cho sự nghiệp môi trường (35,20%) đạt thấp. Đặc biệt chi cho đầu tư xây dựng cơ bản đạt thấp (38,29%) so với dự toán.

2. Biện pháp thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng cuối năm 2018:

Ban Kinh tế-Ngân sách thống nhất cao với 8 giải pháp đối với công tác quản lý thu và 4 giải pháp đối với công tác quản lý chi. Ban Kinh tế-Ngân sách đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo các cơ quan có liên quan thực hiện có hiệu quả các biện pháp được nêu trong báo cáo. Đặc biệt quan tâm đến các biện pháp cấp bách:

- Đối với công tác quản lý thu: phấn đấu tỷ lệ nợ đọng thuế đến 31/12 ở mức dưới 4% tổng thu ngân sách; tập trung tăng cường thu nghĩa vụ tài chính trên lĩnh vực đất đai, nhất là đối với đất công, đất sử dụng không đúng mục đích; quản lý khai thác tốt tài nguyên khoáng sản, kiên quyết xử lý các trường hợp khai

thác tài nguyên khoáng sản trái phép, truy thu và xử phạt nghiêm các trường hợp khai thác trái phép hoặc không thực hiện nộp tiền khai thác tài nguyên khoáng sản. Đặc biệt, tiến hành thu phí bảo vệ môi trường đối với các cơ sở nuôi cá da trơn nộp vào ngân sách theo đúng quy định của pháp luật.

- Đối với công tác quản lý chi: giao Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện kiểm sát chặt chẽ việc phân bổ, quản lý và sử dụng vốn, thường xuyên rà soát cắt giảm các công trình, dự án đã phân bổ vốn nhưng triển khai để kịp thời điều chỉnh vốn đầu tư và cân đối nguồn lực thực hiện các chương trình, dự án. Đồng thời chủ trì phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo thực hiện.

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- DB HĐND tỉnh;
- Đại biểu khách mời;
- Lưu: VT.vv

TM.BAN KT - NS HĐND TỈNH
TRƯỞNG BAN



Nguyễn Văn Quới